

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NAM SÁCH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/DS-ST  
Ngày: 24/5/2018  
V/v Tranh hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Đoàn Thị Thu Thúy;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đắc Quýnh; Ông Đặng Hữu Luật.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà:***  
Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

***-Thư ký ghi biên bản phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Bá C - sinh năm 1971;

Địa chỉ: Thôn G, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Có mặt

- Bị đơn: Anh Phạm Văn M - sinh năm 1974 và chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn G, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương ( Anh M ủy quyền cho chị H) Có mặt chị H, vắng mặt anh M.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Vũ Thị Q, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn G, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương (chị Q ủy quyền cho anh Nguyễn Bá C). Chị Q vắng mặt, anh C có mặt.

*Người làm chứng:*

Ông Vương Đình T - sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn G, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Nguyễn Bá C trình bày:*

Do có quan hệ quen biết và là người cùng thôn nên vợ chồng anh đã cho vợ chồng anh Phạm Văn M, chị Nguyễn Thị H vay tổng số tiền 130.000.000đ cụ thể: lần 1 vào ngày 29/2/2017 (âm lịch) cho vay số tiền 100.000.000đ, thỏa thuận khi nào đòi tiền sẽ báo trước; Lần 2 vào ngày 01/03/2017 (âm lịch) cho vay số tiền là 30.000.000đ, thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng. Cả hai lần vay đều viết giấy biên nhận, thỏa thuận vay phải trả lãi theo lãi suất là 1,5%/tháng, nhưng không ghi nội dung thỏa thuận về lãi vào trong giấy vay tiền mà chỉ thỏa thuận miệng. Tháng 4 năm 2017 (âm lịch) vợ chồng anh M trả cho vợ chồng anh số tiền gốc 20.000.000đ, còn nợ lại là 110.000.000đ. Do cần tiền chi tiêu công việc của gia đình, ngày 05/6/2017 anh đã viết giấy thông báo trả tiền vay gửi cho vợ chồng anh M yêu cầu phải trả lại cho vợ chồng anh toàn bộ số nợ gốc là 110 triệu đồng vào hạn cuối cùng là ngày 05/7/2017; khi gửi giấy thông báo có ông Vương Đình T là người cùng thôn chứng kiến. Đến thời hạn phải trả nhưng vợ chồng anh M vẫn không trả tiền cho anh, sau đó anh đã nhiều lần yêu cầu nhưng vợ chồng anh M cứ khất lần và đến nay vẫn chưa trả tiền cho anh. Về tiền lãi: Anh yêu cầu vợ chồng anh M phải trả vợ chồng anh tiền lãi trên nợ gốc 110 triệu đồng, theo lãi suất là 1%/tháng, kể từ ngày 7/4/2017 đến khi trả xong nợ, tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là khoảng 11 tháng bằng 12.100.000đ. Khi cho vay giữa anh và vợ chồng anh M có thỏa thuận vay phải chịu lãi, lãi suất là 1,5%/tháng, kể từ khi cho vay vợ chồng anh M chưa bao giờ tiền lãi cho anh, nhưng đến nay anh cũng chỉ yêu cầu tính từ ngày 7/4/2017 (dương lịch) trên nợ gốc là 110.000.000đ, theo lãi suất là 1%/tháng, còn lại thời gian trước đó anh không yêu cầu tiền lãi.

*Theo biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Phạm Văn M, chị Nguyễn Thị H (anh M ủy quyền cho chị H) trình bày:*

Khoảng 3 năm trước vợ chồng chị cần vốn làm ăn nên có vay tiền của vợ chồng anh C, chị vay tiền nhiều lần mỗi lần một ít, đến khoảng tháng 2/2017 thì anh hai bên đã thống nhất viết lại giấy vay tiền chốt lại tổng số nợ gốc là 100.000.000đ, cụ thể ngày viết giấy đến nay chị cũng không nhớ rõ. Tiếp đó vào ngày 1/3/2017 (âm lịch) vợ chồng chị lại vay thêm anh C 30 triệu, anh C đã viết giấy vay tiền và vợ chồng chị đã ký nhận, xác nhận 02 tờ giấy vay tiền do anh C giao nộp cho Tòa án về nội dung và chữ ký trong đó là đúng, khi vay tiền hai bên không thỏa thuận thời hạn vay, chỉ thỏa thuận khi nào anh C cần tiền thì báo trước cho vợ chồng chị 1 tháng. Khoảng cuối tháng 3 hoặc đầu tháng 4 năm 2017 vợ chồng chị đã trả cho anh C

20.000.000đ còn nợ lại 110.000.000đ. Về tiền lãi khi cho vay hai bên có thỏa thuận vay phải trả lãi và mức lãi là 1,5%/tháng, hàng tháng chị đều trả lãi cho anh C. Chỉ đến khoảng tháng 4 năm 2017 chị không trả lãi cho anh C nữa vì khi đó công việc làm ăn của vợ chồng chị bị thua lỗ, anh C đòi tiền gốc, chị xin trả dần thì anh C không nghe và nói phải trả ngay và không cần tiền lãi nữa. Do hai bên không thống nhất được nên chị mới không tiếp tục trả tiền lãi. Ngày 5/6/2017 anh C rủ ông Vương Đình T là người cùng thôn đến nhà chị, anh C có lập một tờ giấy thông báo về việc trả tiền, nội dung yêu cầu vợ chồng chị phải trả tiền cho anh C trong thời hạn 1 tháng và yêu cầu chị ký nhận vào giấy thông báo đó, do chưa có tiền để trả nên vợ chồng chị hứa sẽ thu xếp để trả dần và không ký vào giấy của anh C. Sau đó anh C đã nhiều lần đến nhà chửi bới vợ chồng chị. Đến nay anh C khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị phải trả lại anh C toàn bộ tiền gốc và tiền lãi chị có ý kiến như sau: Về tiền gốc chị xác định vợ chồng chị còn nợ anh C 110.000.000đ, chị chấp nhận trả tiền nhưng đề nghị cho vợ chồng chị trả dần mỗi tháng trả 500.000đ hoặc 6 tháng trả một lần, mỗi lần 10.000.000đ cho đến khi trả xong nợ gốc. Về tiền lãi: anh C yêu cầu vợ chồng chị phải trả cho anh C tiền lãi từ ngày 7/4/2017 (dương lịch) đến khi trả xong nợ gốc với mức lãi suất là 1%/tháng, về mức lãi xuất và thời hạn tính lãi như vậy chị nhất trí, nhưng do hiện vợ chồng chị làm ăn thu lỗ nên đề nghị anh C miễn tiền lãi cho vợ chồng chị.

*Người làm chứng ông Vương Đình T trình bày:*

Ông không chứng kiến việc vay mượn, trả tiền giữa vợ chồng anh M, chị H với anh C. Ngày 05/6/2017, ông đến nhà anh M thì gặp anh C ở đó nên đã chứng kiến anh C đòi tiền và gửi giấy thông báo trả tiền cho vợ chồng anh M, chị H. Sau đó ngày 25/6/2018 anh C đề nghị ông ký vào tờ giấy thông báo trả tiền vay của anh C với nội dung đã chứng kiến việc anh C đến đòi tiền nên ông đã ký nhận vào giấy đó. Ông xác định tờ giấy thông báo về việc trả tiền vay do ông C giao nộp cho Tòa án có chữ ký của ông là đúng, ông có chứng kiến anh C đến đòi tiền và giao thông báo đó cho vợ chồng anh M.

*Tại phiên toà sơ thẩm:*

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh M, chị H trả cho anh số tiền gốc 110.000.000đ và tiền lãi từ ngày 7/4/2017 cho đến khi trả xong nợ gốc theo mức lãi suất 1%/tháng.

Bị đơn thừa nhận số tiền nợ gốc còn nợ vợ chồng anh C là 110.000.000đ nhưng đề nghị cho trả dần; đối với tiền lãi nhất trí với mức lãi suất và ngày tính lãi như anh C yêu cầu nhưng đề nghị anh C miễn tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C; buộc anh M, chị H phải trả cho anh C, chị H số tiền 110.000.000đ tiền gốc và tiền lãi theo lãi xuất 1%/tháng trên nợ gốc kể từ ngày 7/4/2017 cho đến khi trả xong nợ gốc. Về án phí chị H, anh M phải chịu án phí theo quy định, hoàn trả anh C số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Phạm Văn M (anh M ủy quyền cho chị Nguyễn Thị H), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị Q (chị Q ủy quyền cho anh Nguyễn Bá C) vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt, căn cứ Điều 227 BLTTDS, xét xử vắng mặt anh Phạm Văn M, chị Vũ Thị Q.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn phải trả số tiền gốc 110.000.000đ và tiền lãi phát sinh, HĐXX xét thấy:

Nguyên đơn anh Nguyễn Bá C (chị Q ủy quyền cho anh C), bị đơn chị Nguyễn Thị Hg (anh M ủy quyền cho chị H) đều thống nhất xác định giữa các bên đã thực hiện giao kết hợp đồng vay tài sản theo 02 giấy vay tiền ngày 29/2/2017 âm lịch (BL 02), ngày 01/03/2017 âm lịch (BL03) tổng số tiền vay là 130.000.000đ; Tháng 4 năm 2017 vợ chồng chị H đã trả cho anh C số tiền 20.000.000đ, còn nợ lại 110.000.000đ. Ngày 05/6/2017 anh C đã yêu cầu vợ chồng chị H phải trả toàn bộ nợ gốc trong thời hạn 1 tháng, vợ chồng chị H đã biết được yêu cầu đó nhưng vẫn chưa thanh toán cho anh C số tiền còn nợ. Xét khi tham gia giao kết hợp đồng các bên đều tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của BLDS, các bên không có tranh chấp về các nội dung đã thỏa thuận và thực hiện trong hợp đồng như thời hạn vay, số tiền vay, số tiền đã trả, thời điểm yêu cầu trả tiền và thống nhất xác định đến thời điểm hiện nay số tiền gốc anh M, chị H còn nợ vợ chồng anh C, chị H là 110.000.000đ. Anh C yêu cầu vợ chồng anh M phải trả lại cho vợ chồng anh toàn bộ số nợ gốc nêu

trên là có căn cứ. Chị H xác định vợ chồng chị còn nợ vợ chồng anh C số tiền gốc 110.000.000đ, chấp nhận trả toàn bộ số tiền đó nhưng đề nghị anh C cho vợ chồng chị trả dần mỗi tháng trả 500.000đ hoặc 6 tháng trả một lần, mỗi lần trả 10.000.000đ cho đến khi trả xong toàn bộ nợ gốc, anh C không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của chị H. Căn cứ quy định tại Điều 351, 357, 463, 466 BLDS buộc anh M, chị H phải trả cho vợ chồng anh C, chị H số tiền nợ gốc nói trên.

Về tiền lãi: nguyên đơn, bị đơn đều trình bày thống nhất khi hai bên thực hiện giao kết hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận vay phải trả lãi theo lãi suất 1,5%/tháng việc thỏa thuận về nghĩa vụ trả lãi thỏa thuận miệng không thể hiện trong giấy vay tiền. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi theo mức lãi xuất 1%/tháng kể từ ngày 7/4/2017 cho đến khi trả xong nợ gốc, bị đơn nhất trí về mức lãi suất, thời hạn tính lãi như nguyên đơn yêu cầu tuy nhiên đề nghị nguyên đơn miễn tiền lãi, nguyên đơn không chấp nhận đề nghị này. HĐXX xét thấy khi các bên thực hiện giao dịch vay tiền ( ngày 29/2/2017 âm lịch và ngày 01/03/2017 âm lịch) đã thỏa thuận về nghĩa vụ trả lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng, sau đó đến tháng 4/2017 anh M, chị H đã trả một phần tiền gốc và hai bên đều thống nhất xác định nợ gốc là 110.000.000đ do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo mức lãi xuất là 1%/tháng kể từ ngày 7/4/2017 trên nợ gốc là 110.000.000đ là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 466, 468 BLDS. Bị đơn đề nghị nguyên đơn miễn tiền lãi, nguyên đơn không chấp nhận nên không có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của bị đơn. Buộc anh M, chị H phải trả cho vợ chồng anh C, chị Q số tiền lãi tính đến ngày xét xử = 14.923.000đ và phải tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh C được chấp nhận nên anh M, chị H phải chịu án phí theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 351, 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 227, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bá C.

1. Buộc anh Phạm Văn M, chị Nguyễn Thị H phải trả cho anh Nguyễn Bá C, chị Vũ Thị Q số tiền gốc là 110.000.000đ ( *Một trăm mười triệu đồng chẵn*) và

tiền lãi (tính đến ngày xét xử 24/5/2018) 14.923.000đ (*Mười bốn triệu chín trăm hai mươi ba nghìn đồng chẵn*), tổng bằng 124.923.000đ (*Một trăm hai mươi bốn triệu chín trăm hai mươi ba nghìn đồng chẵn*)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 24/5/2018, anh M, chị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

2. Án phí: Anh Phạm Văn M, chị Nguyễn Thị H phải chịu 6.246.000đ (*Sáu triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng chẵn*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Nguyễn Bá C 3.050.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nam Sách theo biên lai số AA/2016/0002167 ngày 05 tháng 3 năm 2018.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Nam Sách;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
( Đã ký)**

**Đoàn Thị Thu Thúy**